

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 516/2025/UHY - HĐKT

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2025

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT

(Về việc: Soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex)

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29 tháng 03 năm 2011 và Luật sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập và Nghị định sửa đổi số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/04/2025;
- Căn cứ vào Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Theo thoả thuận giữa Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về việc cung cấp dịch vụ Soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ và Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex.

Handwritten signature

M.S.D.N.

CÔNG TY TNHH

Hợp đồng này được lập giữa các bên:

**BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ: CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM
VIMEDIMEX**

Đại diện : Bà Trần Mỹ Linh

Chức danh : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Tầng 8 Tòa nhà Vimedimex Group, số 46-48 Bà Triệu,
Phường Cửa Nam, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại :

Mã số thuế : 0300479760

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

Và

**BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN UHY**

Đại diện : Ông Phạm Gia Đạt

Chức danh : Phó Tổng Giám đốc

(Giấy Ủy quyền số 53/2025/UHY-UQ ngày 25/09/2025)

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại
Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024 5678 3999

Mã số thuế : 0102021062

Tài khoản số: 02027914009 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh
Thăng Long, Hà Nội

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" hoặc "**Mỗi Bên**" và gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**", tùy theo ngữ cảnh diễn đạt.

Sau khi thoả thuận, Hai Bên nhất trí ký Hợp đồng kiểm toán ("**Hợp đồng**") gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý sử dụng và Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ Soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025 và Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Phạm vi công việc:

STT Công ty

Phạm vi

- | | |
|--|-----|
| 1. Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex | (1) |
| 2. Công ty TNHH Dược Phẩm Vimedimex | (2) |
| 3. Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương | (2) |
| 4. Công ty TNHH – TTPP Dược phẩm Vimedimex | (2) |
| 5. Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex | (2) |

(1) Phát hành báo cáo kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất

(2) Kiểm toán/Soát xét báo cáo tài chính phục vụ mục đích hợp nhất Công ty

Mục đích của cuộc soát xét là để Bên B đưa ra kết luận về việc liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến cho Bên B cho rằng Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ của Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Mục đích của cuộc kiểm toán là để Bên B có được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Bên A, xét trên phương diện tổng thể, có các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hay do gian lận hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán về việc liệu báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Bên A có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Sau đây gọi chung báo cáo tài chính riêng và hợp nhất là “Báo cáo tài chính”.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

2.1.1. Đối với công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025:

Công việc soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

(a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

me

(b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

(c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;

(d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

(i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

(ii) Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

(iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán và Bên A xét thấy yêu cầu là hợp lý;

(iv) Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét.

(e) Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

2.1.2. Đối với công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

(a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

(b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

(c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng;

(d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:

(i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

(ii) Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

(iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán và Bên A xét thấy yêu cầu là hợp lý;

(iv) Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

(e) Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

2.1.3. Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại văn phòng của Bên A.

2.1.4. Có ý kiến phản hồi về bản dự thảo Báo cáo soát xét và kiểm toán trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ khi Bên B gửi bản dự thảo cho Bên A;

2.1.5. Thanh toán đầy đủ Phí dịch vụ và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1. Đối với công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025:

(a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B đưa ra kết luận về việc Bên B có nhận thấy bất kỳ vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

(b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

(c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của Bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lừa hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

(d) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét và kết quả soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét.

(e) Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

(f) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

2.2.2. Đối với công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

(a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

(b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

(c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

(d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

(e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

2.2.3. Bàn giao đầy đủ số lượng báo cáo như đã nêu tại Điều 4 của Hợp đồng.

2.2.4. Không hủy ngang Hợp đồng vì bất kỳ lý do nào, không bao gồm các trường hợp chấm dứt Hợp đồng được quy định tại Khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng.

ĐIỀU 3: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Bên B dự kiến kế hoạch thực hiện cung cấp dịch vụ theo thời gian dự kiến như sau:

3.1 Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025:

TT	Công ty	Thời gian dự kiến			Ghi chú
		Lập kế hoạch (N)	Soát xét	Báo cáo dự thảo	
	Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex	N – N+3	N+4 – N+10	N+15	Phát hành BCTC riêng và hợp nhất
	Công ty TNHH Dược Phẩm Vimedimex	N – N+2	N+4 – N+6	N+15	Gửi kết quả nhóm hợp nhất
	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	N – N+2	N+7 – N+9	N+15	Gửi kết quả nhóm hợp nhất
	Công ty TNHH – TTPP Dược phẩm Vimedimex	N – N+2	N+4 – N+6	N+15	Gửi kết quả nhóm hợp nhất

(N): Ngày ký hợp đồng kiểm toán

3.2 Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

TT	Công ty	Thời gian dự kiến				
		Lập kế hoạch	Kiểm kê	Kiểm toán	Báo cáo dự thảo	Ghi chú
	Công ty CP Y Dược phẩm Vimedimex					
	<i>Kiểm toán báo cáo tài chính riêng</i>	20/12/2025	02/01/2026	2/2/2026 - 8/2/2026 6	03/3/2026	Phát hành báo cáo trước 25/03/2026
	<i>Kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất</i>	20/12/2025	02/01/2026	2/2/2026 - 8/2/2026 6	10/3/2026	6
	Công ty TNHH Dược Phẩm Vimedimex	20/12/2025	02/01/2026	2/2/2026 - 4/2/2026 6	28/2/2026	Gửi kết quả nhóm họp nhất
	Công ty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	20/12/2025	02/01/2026	5/2/2026 - 8/2/2026 6	28/2/2026	Gửi kết quả nhóm họp nhất
	Công ty TNHH – TTPP Dược phẩm Vimedimex	20/12/2025	02/01/2026	2/2/2026 - 4/2/2026 6	28/2/2026	Gửi kết quả nhóm họp nhất
	Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex	31/10/2025	02/01/2026	6/2/2026 - 8/2/2026 6	28/2/2026	Gửi kết quả nhóm họp nhất

Báo cáo chính thức được phát hành sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được xác nhận của Bên A.

ĐIỀU 4: BÁO CÁO KIỂM TOÁN/SOÁT XÉT

4.1. Báo cáo soát xét

Sau khi kết thúc cuộc soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Bảy (07) bộ báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ của Bên A đã được soát xét bằng tiếng Việt và tiếng Anh, bên A giữ sáu (06) bộ, bên B giữ một (01) bộ mỗi báo cáo có giá trị pháp lý như nhau; và ba

luc

(03) bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ sẽ được lập bằng văn bản. Báo cáo soát xét gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định và các chuẩn mực khác có liên quan.

- Và 05 (năm) bản Biên bản soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con (*Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex; Công ty TNHH Vimedimex Bình Dương; Công ty TNHH - Trung tâm phân phối Dược phẩm Vimedimex*); *Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex* bằng tiếng Việt phục vụ cho mục đích hợp nhất Báo cáo tài chính của Bên A.

4.2. Báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Mười một (11) bộ báo cáo kiểm toán riêng và hợp nhất kèm theo báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bằng tiếng Việt và tiếng Anh, bên A giữ mười (10) bộ, bên B giữ một (01) bộ mỗi báo cáo có giá trị pháp lý như nhau; và ba (03) bộ Thư quản lý bằng tiếng Việt (nếu có), đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

- Và Năm (05) bộ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của từng Công ty con (*Công ty TNHH Dược phẩm Vimedimex; Công ty TNHH Vimedimex Bình Dương; Công ty TNHH - Trung tâm phân phối Dược phẩm Vimedimex*); *Công ty TNHH MTV Dược liệu Vimedimex* bằng tiếng Việt.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc

bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

Việc nộp các báo cáo này cho các cơ quan chức năng thuộc trách nhiệm của Bên A.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

5.1. Phí dịch vụ

Phí dịch vụ là: **1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)**. Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT.

5.2. Phương thức, tiến độ thanh toán:

(a) **Lần 1:** Bên A tạm ứng cho Bên B **10% (Mười mươi phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng được ký kết và Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

(b) **Lần 2:** Bên A thanh toán cho Bên B **10% (Mười phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày (i) Bên B gửi bản Dự thảo Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025; (ii) Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B .

(c) **Lần 3:** Bên A thanh toán cho Bên B **30% (ba mươi phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày (i) Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025; (ii) Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B và hóa đơn GTGT.

(d) **Lần 4:** Bên A thanh toán cho Bên B **25% (hai mươi lăm phần trăm)** Phí dịch vụ (đã gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc trước khi bên B tham gia chứng kiến kiểm kê và thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

- **Lần 5:** Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ Phí dịch vụ còn lại là **25% (hai mươi lăm phần trăm)** Phí dịch vụ (đã bao gồm thuế GTGT) trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày (i) Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ Báo cáo tài chính đã kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2025 và (ii) Bên A nhận được Công văn đề nghị thanh toán của Bên B và hóa đơn GTGT.

me

(e) Đối với lần thanh toán 1 và 3: Bên B sẽ xuất hóa đơn GTGT trong vòng 01 (một) ngày làm việc sau khi nhận được giá trị thanh toán theo từng lần thanh toán của Bên A.

(f) Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng Việt Nam đồng và chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B nêu tại phần đầu của Hợp đồng.

(g) Tiến độ thanh toán theo các giai đoạn nêu trên tương ứng với tỷ lệ hoàn thành dịch vụ trong trường hợp Hai Bên không thống nhất được Báo cáo soát xét, kiểm toán dự thảo/chính thức

ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

6.1. Trong trường hợp Bên B chậm thực hiện dịch vụ so với thời gian đã nêu tại Điều 3 Hợp đồng này mà không được Bên A chấp thuận hoặc không do lỗi của Bên A, Bên B sẽ phải chịu phạt với mức phạt 0,03% (không phải không ba phần trăm) Phí dịch vụ cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 08% (tám phần trăm) giá trị phần Phí dịch vụ bị vi phạm.

6.2. Trong trường hợp Bên A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp đồng này mà không do lỗi của Bên B hoặc sự kiện bất khả kháng, Bên A sẽ phải chịu phạt với mức phạt 0,03% (không phải không ba phần trăm) mỗi ngày tính trên số tiền chậm thanh toán và tính từ ngày liền sau ngày hết hạn thanh toán cho đến thời điểm thực tế thanh toán nhưng tổng tiền phạt không vượt quá 08% (tám phần trăm) số tiền chậm thanh toán.

ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1. Hợp đồng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

(a) Các Bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ nêu tại Hợp đồng.

(b) Hai Bên thỏa thuận về việc chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của Các Bên thực hiện theo văn bản thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng.

(c) Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do Bên còn lại vi phạm Hợp đồng nhưng không khắc phục vi phạm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên bị vi phạm.

(d) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

7.2. Trong trường hợp Hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 7.1 (c) và Điều 7.1 (d) nêu trên, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B chi phí đối với phần dịch vụ Bên B đã thực hiện theo quy định tại Hợp đồng này.

7.3. Nếu Bên nào đơn phương chấm dứt Hợp đồng không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 7.1 Điều này thì Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng có

trách nhiệm chịu phạt 8% Phí dịch vụ trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Bên bị chấm dứt có yêu cầu.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN BẢO MẬT

8.1. Các Bên sẽ luôn cam kết bảo mật (và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng bảo mật) không tiết lộ bất kỳ thông tin nào (“Sau đây gọi là Thông Tin Bảo Mật”) liên quan đến Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn: không sử dụng Thông Tin Bảo Mật cho bất kỳ mục đích nào ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của mình theo Hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên tiết lộ thông tin bảo đảm về việc bảo vệ Thông Tin Bảo Mật ở mức độ tương đương với mức độ bảo vệ thông tin hoặc tài liệu mật của chính mình với sự cẩn trọng tối đa và không tiết lộ, trực tiếp hoặc gián tiếp, Thông Tin Bảo Mật cho các bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia;

8.2. Nghĩa vụ bảo mật quy định tại Điều này là ràng buộc với Các Bên trong thời gian thực hiện Hợp đồng và cho đến khi thông tin và tài liệu này còn là thông tin và tài liệu mật trừ khi: Bên tiết lộ thông tin đồng ý giải trừ nghĩa vụ bảo mật cho Bên nhận thông tin trước, hoặc Bên tiết lộ thông tin đã công bố thông tin rộng rãi hoặc thông tin bảo mật đã được cơ quan quản lý nhà nước phổ biến rộng rãi... Thông Tin Bảo Mật trở thành thông tin hoặc tài liệu công khai thông qua các cách thức khác mà không phải là vi phạm nghĩa vụ bảo mật hoặc pháp luật và các quy định có liên quan áp dụng yêu cầu tiết lộ Thông Tin Bảo Mật;

8.3. Trong quan hệ với Bên thứ ba có liên quan đến Hợp đồng, Các Bên sẽ thỏa thuận rõ các thông tin cần được tiết lộ, các thông tin không được tiết lộ vẫn được giữ kín và thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 8.1, Điều 8 của Hợp đồng này;

8.4. Nghĩa vụ của Các Bên được quy định tại Điều này sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực mặc dù Bên đó không còn là một Bên của Hợp đồng hoặc khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.

8.5. Vào bất kỳ thời điểm nào, trong mọi trường hợp, không phụ thuộc vào bất cứ lý do gì, nếu Bên B có hành vi vi phạm Thông Tin Bảo Mật này thì Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm bao gồm cả trách nhiệm tài chính và trách nhiệm pháp lý với Bên A và với bất kỳ Bên thứ ba nào khác có liên quan mà bị ảnh hưởng, thiệt hại do hành vi vi phạm Thông Tin Bảo Mật này của Bên B gây ra (“**Trách nhiệm bồi thường thiệt hại**”).



ĐIỀU 9: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, trở ngại, Hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết.

9.2 Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chỉ có hiệu lực nếu việc sửa đổi, bổ sung đó được lập thành văn bản và được cả Hai Bên ký kết thành Phụ lục Hợp đồng sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục và thẩm quyền người đại diện giống như Hợp đồng.

9.3 Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thể giải quyết thông qua việc thương lượng, hòa giải thì một trong Các Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ HỢP ĐỒNG

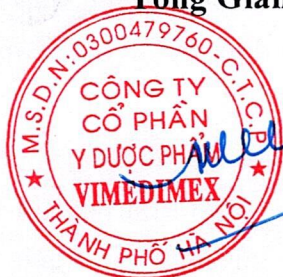
10.1 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, Mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

10.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả Hai Bên. Hợp đồng sẽ tự động thanh lý khi Các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN

**BÊN A CÔNG TY CỔ PHẦN Y
DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX**

Tổng Giám đốc



Trần Mỹ Linh

ĐẠI DIỆN BÊN B

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN UHY**

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Gia Đạt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*

Số: 517/2025/UHY - HĐKT

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2025

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

- Căn cứ Bộ luật dân sự của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 14/06/2015;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 67/2011/QH12 ngày 29/03/2011 và Luật sửa đổi số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập và Nghị định sửa đổi số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/04/2025;
- Căn cứ vào Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán số 805: Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính;

Theo thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa hai bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM VIMEDIMEX

Người đại diện : Bà Trần Mỹ Linh
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Tầng 8 tòa nhà Vimedimex Group, 46-48 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Tp.Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 082.247.55.88
Mã số thuế : 0300479760

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Người đại diện : Ông Phạm Gia Đạt
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Giấy ủy quyền số 46/2024/UHY-UQ ngày 01/10/2024)
Trụ sở : Tầng 5 - tháp B2, tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ,
Tp. Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : 024.5678 3999

Tài khoản số : 02027914009
Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Thăng Long,
Hà Nội
Mã số thuế : 0102021062

Sau khi thoả thuận, các Bên nhất trí ký hợp đồng gồm các điều khoản sau :

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán các khoản mục của Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex bao gồm:

- Kiểm toán khoản vay và tình hình sử dụng vốn vay, quản lý và chuyển nhượng tài sản đảm bảo liên quan đến khoản vay 193.000.000.000 đồng từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) năm 2021;
- Kiểm toán việc nhận khoản tiền 232.000.000.000 đồng từ Công ty VMG sang cho Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) năm 2022;
- Kiểm toán việc tăng vốn góp do phát hành riêng lẻ trong năm 2016, 2017 (xác định tỷ lệ góp vốn tăng thêm đối với các cá nhân Nguyễn Ngọc Dung; Trần Thị Đoan Trang; Trần Kiên Cường).
- Kiểm toán việc sử dụng số tiền thu từ cho thuê văn phòng tòa nhà Citiligh trên sao kê tài khoản phong tỏa tại ngân hàng VCB trong năm 2021.

Sau đây gọi tắt là dịch vụ kiểm toán “Các khoản mục” của Bên A.

Bên B sẽ thực hiện kiểm toán phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán số 805 “Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính” (sau đây được gọi là Chuẩn mực kiểm toán). Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A không có sai sót trọng yếu do sai sót hoặc gian lận.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu được trình bày trên Báo cáo “Các khoản mục”, đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính kế toán trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A.

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo “Các khoản mục” được trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan, trên tất cả các khía cạnh trọng yếu. Việc đưa ra ý kiến kiểm toán, cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập Báo cáo kiểm toán. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán, Bên B có thể từ chối đưa ra ý kiến hoặc từ chối phát hành Báo cáo kiểm toán nhưng phải nói rõ với Bên A lý do. Nếu Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc nếu Báo cáo kiểm toán cần được sửa đổi, các lý do sửa đổi sẽ được trao đổi với Ban Tổng Giám đốc Bên A trước khi phát hành báo cáo kiểm toán.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban quản trị và những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp (trong phạm vi phù hợp) của Bên A hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” được áp dụng;
- b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- c) Đảm bảo rằng Bên A đã tuân thủ các quy định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình, bao gồm việc lưu giữ và quản lý các chứng từ, sổ kế toán, Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A và các tài liệu có liên quan một cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước.
- d) Phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách đúng đắn vào sổ sách kế toán.
- e) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban quản trị nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo “Các khoản mục” như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban quản trị và Ban quản trị (những người chịu trách nhiệm về quản trị doanh nghiệp) (trong phạm vi phù hợp) cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận và trao đổi không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán; và
 - Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
 - Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình kiểm toán tại Văn phòng của Bên A.

Bên A chỉ sử dụng Báo cáo “Các khoản mục” của Bên A để đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho các bên liên quan của theo quy định.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ và các chi phí khác (nếu có) như đã cam kết tại Điều 5 của Hợp đồng này.

Việc Ban quản trị không thể cung cấp cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên trong Công ty của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi phạm vi các thủ tục kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ;

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo “Các khoản mục”, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay

không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo “Các khoản mục”. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo “Các khoản mục” do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban quản trị, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể của Báo cáo “Các khoản mục”.

- b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung, kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo “Các khoản mục” của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là Bên B có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

ĐIỀU 3: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Bên B sẽ cử các kiểm toán viên đến thực hiện công việc kiểm toán trực tiếp tại Văn phòng làm việc của Bên A. Thời gian thực hiện kiểm toán cụ thể sẽ được hai bên cùng thống nhất triển khai nhưng không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày khi ký hợp đồng.

Thời gian thực hiện dự kiến không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký hợp đồng, Bên A chuẩn bị đầy đủ các tài liệu liên quan;

Trong quá trình thực hiện công việc nếu có phát sinh các vấn đề ảnh hưởng đến tiến độ công việc, hai bên sẽ phải thông báo kịp thời cho nhau để tìm biện pháp xử lý thích hợp. Trường hợp Bên B chậm tiến độ không do lỗi của Bên A, Bên B có trách nhiệm chịu phạt vi phạm bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho Bên A.

ĐIỀU 4: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A: 05 bộ báo cáo kiểm toán về:

- Báo cáo Kiểm toán về khoản vay và tình hình sử dụng vốn vay, quản lý và chuyển nhượng tài sản đảm bảo liên quan đến khoản vay 193.000.000.000 đồng từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) năm 2021;
- Báo cáo Kiểm toán về việc nhận khoản tiền 232.000.000.000 đồng từ Công ty VMG sang cho Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (VMD) năm 2022;

- Báo cáo Kiểm toán về tăng vốn góp do phát hành riêng lẻ trong năm 2016, 2017 (xác định tỷ lệ góp vốn tăng thêm đối với các cá nhân Nguyễn Ngọc Dung; Trần Thị Đoàn Trang; Trần Kiên Cường).
- Báo cáo Kiểm toán về việc sử dụng số tiền thu từ cho thuê văn phòng tòa nhà Citiligh trên sao kê tài khoản phong tỏa tại ngân hàng VCB trong năm 2021.

Báo cáo kiểm toán chính thức sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung tuân thủ theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý khác có liên quan.

ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Phí dịch vụ

Tổng số phí dịch vụ kiểm toán Báo cáo “Các khoản mục” theo điều 1 của hợp đồng là: **200.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn). **Phí dịch vụ kiểm toán trên đây chưa bao gồm thuế GTGT.**

2. Phương thức thanh toán

- Lần 01: 10% giá trị Hợp đồng được tạm ứng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Lần 02: 40% giá trị Hợp đồng được tạm ứng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên B gửi Dự thảo Báo cáo;
- Lần 03: 50% giá trị hợp đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Bên B bàn giao cho Bên A đầy đủ Báo cáo kiểm toán chính thức và Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán Bên A.

3. Hồ sơ thanh toán

a. Lần 01:

- Giấy đề nghị thanh toán.

b. Lần 02:

- Hoá đơn VAT hợp lệ;
- Giấy đề nghị thanh toán.

ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai Bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi, bổ sung phải được thông báo trực tiếp cho mỗi Bên bằng văn bản theo địa chỉ trên đây và phải được Hai bên đồng ý, lập thành văn bản do đại diện của hai bên ký.

Nếu có những tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, hai Bên cần ưu tiên giải quyết những tranh chấp đó thông qua thỏa thuận, thương lượng. Trường hợp không thể thương lượng, mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật hiện hành và tại tòa án kinh tế có thẩm quyền do hai bên lựa chọn.

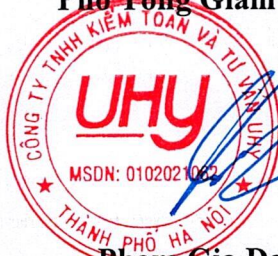
ĐIỀU 7: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai Bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN UHY

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Gia Đạt

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN Y DƯỢC PHẨM
VIMEDIMEX

Tổng Giám đốc



Trần Mỹ Linh

